ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 75 /ĐA-UBND	*Hà Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2022*

ĐỀ ÁN
Quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Hà Giang

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Ngày 13/11/2020, Quốc hội khóa XIV thông qua Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2021. Ngày 29/6/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú. Ngày 06/7/2021, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quyết định số 5548/QĐ-BCA-C06 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an. Qua đó, đã bãi bỏ hình thức quản lý dân cư đăng ký thường trú bằng sổ hộ khẩu, đăng ký tạm trú bằng sổ tạm trú và thay thế bằng hình thức quản lý dân cư thông qua mã số định danh cá nhân và các thủ tục liên quan đến sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú đã được bãi bỏ.

Căn cứ quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 1 Thông tư số 106/TT-BTC ngày 26/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có hiệu lực từ ngày 10/01/2022, thì lệ phí đăng ký cư trú là khoản thu đối với người được cơ quan đăng ký cư trú giải quyết việc đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Do đó, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Nghị quyết 76/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân tỉnh Quy định về lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Giang cần được thay thế cho phù hợp với các quy định hiện hành.

Luật Cư trú 2020 có hiệu lực thi hành và Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu Chính phủ số, Chính phủ điện tử đã bỏ đi một số dịch vụ cấp các giấy tờ liên quan đến công tác quản lý cư trú (*như bỏ sổ hộ khẩu, thay giấy Chứng minh nhân dân 9 số thành Căn cước công dân).*

Xuất phát từ tình hình thực tế trên, đáp ứng với thực tiễn và phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, đảm bảo thống nhất các mức lệ phí trong việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quản lý cư trú, phòng chống tiêu cực, gây phiền hà cho nhân dân trong giải quyết thủ tục hành

chính thì việc thay thế Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân tỉnh Hà Giang là kịp thời và cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 62/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Hà Giang

- Về lệ phí đăng ký cư trú: Năm 2017, thực hiện Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND về các khoản thu, mức thu và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh; đến nay các đơn vị vẫn thực hiện thu lệ phí đăng ký cư trú theo Nghị quyết này. Tuy nhiên, qua đánh giá thực tiễn thì từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, Khu vực I thuộc vùng

đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021 - 2025; Chủ nhiệm ủy ban dân tộc ban hành Quyết định số 612/QĐ-UBDT, ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt các thôn đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và nhất là từ khi Luật cư trú, cùng các văn bản quy định hướng dẫn liên quan có hiệu lực thi hành *(ngày 01/7/2021)* thì một số quy định tại Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND đã không còn phù hợp.

- Đối với lệ phí cấp chứng minh nhân dân, sau khi triển khai cấp căn cước công dân thay thế chứng minh nhân dân, các đơn vị thực hiện công tác quản lý cư trú không còn thu lệ phí theo quy định tại Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND mà áp dụng quy định tại Thông tư số 59/2019/TT-BTC, ngày 30/8/2019 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân.

- Công tác quản lý, số thu nộp ngân sách Nhà nước: Việc thu, nộp lệ phí đăng ký quản lý về cư trú được thực hiện trực tiếp tại công an cấp xã và được nộp vào ngân sách nhà nước thông qua tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp xã. Hiện nay trên toàn tỉnh có 193 xã, phường; 2071 thôn, bản, tổ dân phố; các thôn đặc biệt khó khăn; huyện nghèo và thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được miễn thu phí có tổng số 133/193 xã, chiếm 68,9%; 1353/2071 thôn bản, chiếm 65,33% đối tượng được miễn thu phí theo Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND. Từ tháng 5/2017- 31/12/2022 tổng số tiền thu và nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn 10/11 huyện, thành phố là: 492.030.000 đồng *(trong đó huyện Xín Mần là huyện nghèo, toàn bộ công dân trên địa bàn huyện Xín Mần thuộc đối tượng được miễn lệ phí đăng ký, quản lý cư trú*).

2.2. Tồn tại, vướng mắc

- Từ khi triển khai thực hiện Luật Cư trú năm 2020 từ ngày 01/07/2021 phát sinh nhiều thủ tục hành chính mới liên quan đến công tác đăng ký quản lý cư trú nhưng chưa có quy định cụ thể, do đó các quy định về việc thu phí theo Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân không còn phù hợp dẫn đến việc thu phí tại các đơn vị không thống nhất và không thực hiện thu phí đối với các thủ tục đăng ký cư trú mới.

- Luật Cư trú năm 2020 đã có hiệu lực nhưng việc thu phí, lệ phí đối với công tác đăng ký thường trú, tạm trú chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể *(hiện tại vẫn đang vận dụng theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC, ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính)* gây khó khăn, vướng mắc không nhỏ trong việc triển khai Luật cư trú nói chung cũng như công tác thu, nộp lệ phí nói riêng

- Nhiều đơn vị vẫn để nguyên cấu hình thu, lệ phí mặc định của hệ thống. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, thủ tục hành chính thì không thu tiền, vì vậy dẫn đến tình trạng trên thực tế thì không thu nhưng trên hệ thống vẫn báo phát sinh số liệu thu lệ phí.

- Việc thực hiện thu lệ phí bằng phương thức trực tuyến còn chưa thực hiện được, do chưa có hướng dẫn cụ thể về phương thức thanh toán cụ thể, quy trình và mức thu để công dân thực hiện nghĩa vụ nộp phí.

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

11. Phạm vi điều chỉnh

Đề án này Quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

1.2. Đối tượng áp dụng

Công dân đăng ký cư trú tại cơ quan đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về cư trú.

2. Đối tượng miễn lệ phí đăng ký cư trú

Miễn lệ phí đăng ký cư trú khi đăng ký lần đầu theo quy định của nhà nước đối với các đối tượng sau:

- Bố, mẹ, vợ *(hoặc chồng)* của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ.

- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh, bệnh binh; con dưới 18 tuổi của người hưởng chính sách như thương binh.

- Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

- Công dân thuộc chuẩn hộ nghèo và chuẩn hộ cận nghèo do Thủ tướng Chính phủ quy định.

- Công dân thuộc xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng chính phủ và thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của Ủy ban dân tộc.

3. Nguyên tắc, căn cứ và dự kiến mức thu

Trên cơ sở Thông tư của Bộ Tài chính để xây dựng nội dung và mức thu lệ phí, trong đó đề nghị cụ thể:

- Nguyên tắc xác định mức thu lệ phí: Căn cứ Điều 9 Luật phí và lệ phí năm 2015 quy định nguyên tắc xác định mức thu lệ phí: *"Mức thu lệ phí được ấn định trước, không nhằm mục đích bù đắp chi phí; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân".*

- Căn cứ xây dựng, cơ sở đề xuất mức thu lệ phí: Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính *(đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021).* Tại điểm a, b, d khoản 2, Điều 4 quy định:

a) Căn cứ mức thu phí, lệ phí hiện hành (nếu có) để làm cơ sở đề xuất mức thu.

b) Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí.

d) Tham khảo mức thu phí, lệ phí của các địa phương liền kề hoặc địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng để bảo đảm sự hài hòa giữa các địa phương.

- Tại gạch đầu dòng thứ 2 điểm a, khoản 2, Điều 5 *(đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm đ, khoản 3, Điều 1, Thông tư số 106/2021/TT-BTC)* quy định:

"Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương để quy định mức thu lệ phí phù hợp, đảm bảo nguyên tắc sau: Mức thu lệ phí đối với việc đăng ký cư trú tại cơ

quan đăng ký cư trú thuộc thành phố trực thuộc Trung ương cao hơn mức thu đối với các khu vực khác".

Trên cơ sở kết quả so sánh mức thu lệ phí đăng ký cư trú giữa tỉnh Hà Giang với 4 tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng *(Lào Cai, Lai Châu, Cao Bằng, Yên Bái)* và tình hình thực tế giải quyết công tác đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Hình thức thu: Theo phương thức trực tiếp và trực tuyến.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất giữ nguyên mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân tỉnh để áp dụng xây dựng mức thu lệ phí theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 - Thông tư số 85/2019/TT-BTC *(được sửa đổi, bổ sung tại điểm đ, khoản 3, Điều 1 - Thông tư số 106/2021/TT-BTC)* như sau:

- Đối với phương thức thu trực tiếp:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Các phường thuộc thành phố, thị trấn thuộc huyện trên địa bàn tỉnh Hà Giang	Các địa bàn còn lại trên địa bàn tỉnh Hà Giang
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần đăng ký	15.000	10.000
2	Đăng ký tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần đăng ký	15.000	10.000
3	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú (*không thu lệ phí đối với trường hợp thay đổi về địa giới hành chính, tên đơn vị hành chính, tên đường phố, tổ dân phố, thôn, bản, cách đánh số nhà)*	đồng/lần điều chỉnh	15.000	10.000
4	Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần gia hạn	5.000	3.000
5	Gia hạn tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần gia hạn	5.000	3.000
6	Tách hộ	đồng/lần	15.000	10.000
7	Xác nhận, điều chỉnh thông tin về cư trú	đồng/lần	8.000	4.000

- Đối với thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần mức thu bằng 50% mức thu giao dịch trực tiếp.

4. Đơn vị thu: Công an xã, phường, thị trấn thực hiện công tác đăng ký, quản lý cư trú.

5. Chế độ thu, nộp và quản lý nguồn thu lệ phí

- Công an cấp xã có nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí đăng ký cư trú và sử dụng biên lai thu lệ phí theo quy định hiện hành về phát hành, quản lý và sử dụng ấn chỉ thuế.

- Cơ quan thu lệ phí thực hiện nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước và thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí theo năm theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

Trên đây là nội dung Đề án Quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công an tỉnh; Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Vnpt ioffice;
- Lưu: VT, NCPC, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Nguyễn Văn Sơn